TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/KDTM-ST
Ngày: 26-8-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Cần;

2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh, thương mại thụ lý số 95/2024/TLST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2024/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH G; địa chỉ: Thửa đất 1018, tờ bản đồ số 20, tổ D, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: A đường B, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1988. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thúy Q, sinh năm 1999. Có mặt.

- Bà Trịnh Thị P, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ:A, đường B tháng A, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 17/4/2024).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH G1 (Công ty TNHH một thành viên L); địa chỉ: Số C tổ E, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Bùi Thị Lan H, sinh năm 1978 - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thanh viên kiêm Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 5 năm 2024, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Theo đơn khởi kiện Công ty TNHH G khởi kiện Công ty TNHH L. Sau đó, nguyên đơn tìm hiểu được biết tên Công ty TNHH một thành viên L đã thay đổi tên thành Công ty TNHH G1.

Công ty TNHH G (gọi tắt Công ty G) và Công ty TNHH một thành viên L đã được thay đổi tên thành Công ty TNHH G1 (gọi tắt Công ty G1) thỏa thuận mua bán hàng hóa bằng lời nói và đặt hàng qua điện thoại. Công ty G bán hàng hóa là thùng giấy carton cho Công ty L (Công ty G1) phục vụ sản xuất. Theo thỏa thuận Công ty G giao hàng và Công ty L (Công ty G1) đủ thì thanh toán tiền hàng.

Do hai bên hợp tác lâu dài nên Công ty L (Công ty G1) có chậm thanh toán tiền hàng nhưng Công ty G vẫn thực hiện hợp đồng giao hàng theo đơn đặt hàng. Công ty L nợ tiền hàng ngày càng nhiều cụ thể: Hoa đơn số 93 ngày 28/4/2023 nợ 79.637.490 đồng; Hóa đơn số 114 ngày 29/5/2023 nợ 60.835.160 đồng; Hóa đơn số 158 ngày 30/6/2023 nợ 61.239.761 đồng; Hóa đơn số 191 ngày 29/7/2023 nợ 55.614.557 đồng; Hóa đơn số 220 ngày 30/8/2023 nợ 114.359.773 đồng; Hóa đơn số 254 ngày 29/9/2023 nợ 57.005.602 đồng; Hóa đơn số 292 ngày 31/10/2023 nợ 89.168.564 đồng; Hóa đơn số 317 ngày 29/11/2023 nợ 88.883.493 đồng; Hóa đơn số 34 ngày 30/01/2024 nợ 59.696.436 đồng; Hóa đơn số 92 ngày 29/3/2024 nợ 62.789.063 đồng. Tổng cộng: 729.229.899 đồng. Công ty G yêu cầu thanh toán nhưng Công ty L (Công ty G1) không thực hiện. Do đó, Công ty G yêu cầu:

Buộc Công ty TNHH Một thành viên L (Công ty TNHH G1) trả cho Công ty TNHH G 729.229.899 đồng.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH L trả tiền lãi theo lãi suất 20%/năm tính từ ngày 29/3/2023 đến ngày 29/4/2024. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 13,7%/năm tính từ ngày 29/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 4 tháng 28 ngày là 41.0114.886 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Công ty TNHH G khởi kiện Công ty TNHH Một thành viên L (Công ty TNHH G1) liên quan đến hợp đồng mua bán hàng nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty TNHH Một thành viên L (Công ty TNHH G1) có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Công ty TNHH G đã giao hàng theo đơn đặt hàng của Công ty TNHH Một thành viên L (Công ty TNHH G1) việc giao hàng có lập phiếu xuất hàng có ký xác nhận của hai bên. Công ty TNHH G đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng:

Hoa đơn số 93 ngày 28/4/2023 nợ 79.637.490 đồng;

Hóa đơn số 114 ngày 29/5/2023 nợ 60.835.160 đồng;

Hóa đơn số 158 ngày 30/6/2023 nợ 61.239.761 đồng;

Hóa đơn số 191 ngày 29/7/2023 nợ 55.614.557 đồng;

Hóa đơn số 220 ngày 30/8/2023 nợ 114.359.773 đồng;

Hóa đơn số 254 ngày 29/9/2023 nợ 57.005.602 đồng;

Hóa đơn số 292 ngày 31/10/2023 nợ 89.168.564 đồng;

Hóa đơn số 317 ngày 29/11/2023 nợ 88.883.493 đồng;

Hóa đơn số 34 ngày 30/01/2024 nợ 59.696.436 đồng;

Hóa đơn số 92 ngày 29/3/2024 nợ 62.789.063 đồng.

Tổng cộng: 729.229.899 đồng. Ông Hong C Và là Phó Giám đốc của Công ty có văn bản trình bày thừa nhận và đồng ý trả tiền nợ mua hàng hóa 729.229.899 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất 13,7%/năm là trong mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng thương mại là 12,75%/năm đến 15%/năm. Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 29/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 50, 55, 306 của Luật Thương mại.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G đối với Công ty TNHH Một thành viên L (Công ty TNHH G1) về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa cụ thể như sau:

Buộc Công ty TNHH Một thành viên L (Công ty TNHH G1) có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH G 770.241.785 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó:

Nợ gốc là 729.229.899 đồng (Bảy trăm hai mươi chín triệu hai trăm hai mươi chín nghìn tám trăm chín mươi chín đồng).

Tiền lãi: 41.011.886 đồng (Bốn mươi mốt triệu không trăm mười một nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Công ty TNHH Một thành viên L (Công ty TNHH G1) phải chịu án phí sơ thẩm là 34.809.671 đồng (Ba mươi bốn triệu tám trăm lẻ chín nghìn sáu trăm bảy mươi mốt đồng).

2.2. Công ty TNHH G H1 không phải chịu án phí sơ thẩm được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.826.701 đồng (Mười sáu triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ một đồng) theo biên lai số 0001490 ngày 22/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6,7, 7a,7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THA Dân sự thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thêm